**SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM**

**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: NGỮ VĂN (KNTT)- KHỐI 11**

Năm học: 2023 - 2024

Giáo viên: Trần Văn Trị

Tổ: Ngữ văn

Tháng 9 năm 2023

**Phụ lục III**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD-ĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN  **TỔ NGỮ VĂN**  Họ và tên giáo viên: Trần Văn Trị  Phân công dạy lớp: 11/3, 11/6 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 11**

**(Năm học 2023 - 2024)**

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình ( Lớp 11/3, 11/16)**

**1.1. Học kì 1: 18 tuần x 3 tiết = 54 tiết(Từ 5/9/2023 đến 13/1/2024)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/số tiết** | | **Tiết PPCT** | **Tuần** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **1** | **Bài 1:**  **Câu chuyện và điểm nhìn trong truyện kể**  **(Số tiết: 11)** | Đọc VB 1 ***Vợ nhặt*** (Kim Lân) | **1-3** | **1** | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết được chủ đề và giá trị tư tưởng của tác phẩm.  - Phân tích được đặc sắc của tình huống truyện, ý nghĩa của nó trong việc bộc lộ tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm.  - Nhận biết và phân tích được những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu.  - Nhận biết và phân tích được 1 số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm.  **2. Về năng lực**  - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Kim Lân  - Năng lực đọc – hiểu  các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975.  - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.  - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công nội dung, nghệ thuật truyện Vợ nhặt.  - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các nhân vật trong truyện, các nhân vật có cùng đề tài với các tác giả khác.  - Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.  **3. Về phẩm chất**  - Biết nhận thức được ý nghĩa của văn xuôi hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc.  - Biết trân trọng tình người, khát vọng hạnh phúc, niềm lạc quan của con người ngay trong nghịch cảnh. |  |
| **2** | Đọc VB 2: ***Chí Phèo*** (Nam Cao) | **4-6** | **2** | **1. Về kiến thức:**  - Nhận biết được bản chất bi kịch của cuộc đời nhân vật Chí Phèo.  - Nhận biết được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm.  - Nhận biết và phân tích được những điểm đặc sắc trong nghệ thuật tự sự của nhà văn, thể hiện qua việc thay đổi trình tự tự nhiên của câu chuyện; luân phiên, phối hợp các điểm nhìn; lựa chọn các chi tiết độc đáo; đi sâu khám phá đời sống tâm lí của nhân vật; sử dụng ngôn ngữ trần thuật đa thanh và kết thúc bỏ ngỏ.  - Nhận biết được và phân tích được một số yếu tố nổi bật của truyện ngắn hiện đại qua đọc tác phẩm.  **2. Về năng lực:**  - Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:  + Tóm tắt truyện theo trình tự thời gian cuộc đời nhân vật.  + Xác định điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu.  + Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật Chí Phèo.  + Nêu thái độ của người kể chuyện đối với nhân vật Chí Phèo, thị Nở.  + Nhận xét về ý nghĩa phần kết truyện.  - Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học.  **3. Về phẩm chất:** Biết đồng cảm với một số phận bất hạnh; trân trọng các nỗ lực gìn giữ nhân tính, phẩm giá khi con người phải đối diện với hoàn cảnh sống bi đát. |  |
| **3** | Thực hành tiếng Việt: ***Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết*** | **7** | **3** | **1. Về kiến thức:**  - Phân biệt được các đặc điểm riêng của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó biết sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết một cách hiệu quả tùy từng trường hợp giao tiếp cụ thể.  - Phân tích được ý nghĩa của việc tái tạo ngôn ngữ nói trong ngôn ngữ viết và ngược lại, việc “trích dẫn” ngôn ngữ viết trong ngôn ngữ nói.  - Nhận biết được các lỗi về phong cách trong các văn bản nói và viết cụ thể, đồng thời chỉ ra được hướng khắc phục.  **2. Về năng lực:**  - Phát huy các năng lực tự học, năng lực hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo để đáp ứng những yêu cầu của bài học: nhận xét các đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong các đoạn trích.  - Chủ động tham gia thảo luận, trình bày ý kiến trong quá trình học tập  **3. Về phẩm chất:** Có ý thức sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết phù hợp ngữ cảnh, yêu cầu học tập và yêu cầu thực tiễn. |  |
| **4** | Viết: ***Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện*** (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)  (01 tiết hướng dẫn; 02 tiết viết trên lớp) | **8-10** | **3 - 4** | **1. Về kiến thức:**  - Nắm được những yêu cầu cơ bản của việc viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện với nội dung trọng tâm là đánh giá nghệ thuật kể chuyện của tác giả.  - Biết thực hành viết văn bản nghị luận về một tác phẩm (với nội dung trọng tâm đã nêu trên) theo các bước được hướng dẫn.  **2. Về năng lực:**  - Viết được văn bản nghị luận đánh giá về nghệ thuật kể chuyện của tác giả trong một tác phẩm cụ thể, đáp ứng những yêu cầu về nội dung và hình thức của kiểu văn bản nghị luận.  - Biết sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản: nghị luận (chính), tự sự, biểu cảm…  **3. Về phẩm chất:**  - Trân trọng những giá trị văn hóa tinh thần.  - Hướng đến những giá trị tích cực, nhân văn của cuộc sống. |  |
| **5** | Nói và nghe: ***Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện*** | **11** | **4** | **1. Về kiến thức:**  - Chọn được tác phẩm truyện có nghệ thuật kể chuyện đặc sắc để thuyết trình.  - Nắm được những yêu cầu cơ bản của việc thuyết trình và nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.  **2. Về năng lực:**  - Chủ động và tích cực hoạt động nhóm/ hoạt động cá nhân để chuẩn bị tốt cho nội dung trình bày.  - Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia nói và nghe về vấn đề  - Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.  **3. Về phẩm chất:** Có tinh thần, thái độ phù hợp khi tham gia thảo luận như: tôn trọng người đối thoại, lắng nghe tích cực, trình bày rõ ràng, có sắc thái cảm xúc phù hợp… |  |
| **6** | **Bài 2:**  **Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình**  **(Số tiết: 11)** | Đọc VB 1: ***Nhớ đồng*** (Tố Hữu) | **12-14** | **4 - 5** | **1. Về kiến thức:** Hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.  **2. Về năng lực:**  - Nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.  - Nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.  **3. Về phẩm chất:** Biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng của những thay đổi lớn lao. |  |
| **7** | Đọc VB 2: ***Tràng giang***(Huy Cận) | **15-16** | **5 - 6** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết được cấu tứ độc đáo của bài thơ gắn với việc xây dựng hai hệ thống hình ảnh chuyển hóa luân phiên từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng, từ gợi cảm xúc trần thế đến cảm xúc vũ trụ.  **2. Về năng lực:**  - Cảm nhận được vẻ đẹp riêng của một bài thơ có yếu tố tượng trưng, chỉ ra và phân tích được sự hiện diện của các yếu tố ấy trong bài *Tràng giang*.  - Phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang*.  **3. Về phẩm chất:** Đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhà thơ về cuộc đời và về các mối tương quan như: con người – vũ trụ, hữu hạn – vô hạn, hữu hình – vô hình… |  |
| **8** | Đọc VB 3:  ***Con đường mùa đông***(A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin) | **17-18** | **6** | **1. Về kiến thức:** Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của cấu tứ bài thơ – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.  **2. Về năng lực:**  - Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tính đa nghĩa, thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ, kiến tạo hình tượng trong bản dịch bài thơ *Con đường mùa đông*.  - Cảm nhận được vẻ đẹp của một bài thơ nước ngoài có những hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu trưng, nhận biết và phân tích được vai trò của những yếu tố ấy trong bài *Con đường mùa đông*.  **3. Về phẩm chất:** Đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhân vật trữ tình trong hành trình trên con đường mùa đông, cũng là hành trình cuộc đời của con người: mối quan hệ tương giao giữa con người và cảnh vật, cội nguồn, khát vọng hạnh phúc và ý thức về sứ mệnh của mỗi người trên đường đời. |  |
| **9** | Thực hành tiếng Việt: ***Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng*** | **19** | **7** | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết được những hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các sáng tác văn học  - Hiểu biết về tính đặc thù của ngôn ngữ văn học và ý nghĩa của sự sáng tạo trong tác phẩm văn học ở phương diện ngôn ngữ.  **2. Về năng lực:** Phân tích được đặc điểm của một số hình thức phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học và hiệu quả thẩm mĩ mà các hình thức đó đưa lại.  **3. Về phẩm chất:** Biết trân trọng, yêu mến, tự hào những sáng tạo về phương diện ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học. |  |
| **10** | Viết: ***Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ*** | **20-21** | **7** | **1. Về kiến thức:**  - Biết chọn những tác phẩm thơ có cấu tứ độc đáo và hệ thống hình ảnh phong phú.  - Hiểu và nêu được khái quát cấu tứ của bài thơ và định hướng phân tích, đánh giá.  **2.** **Về năng lực**  - Nắm được những yêu cầu cơ bản của việc viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ với nội dung trọng tâm là phân tích cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.  - Biết thực hành viết văn bản nghị luận về một tác phẩm thơ với việc chú ý hai phương diện cơ bản là cấu tứ và hình ảnh theo các bước được hướng dẫn.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |  |
| **11** | Nói và nghe: ***Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật*** | **22** | **8** | **1. Về kiến thức**  - Chọn được tác thơ có có cấu tứ độc đáo và hệ thống hình ảnh phong phú để thuyết trình.  - Hiểu được những yêu cầu cơ bản của việc thuyết trình.  **2. Về năng lực**  - Vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe**.**  - Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia nói và nghe về vấn đề.  - Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Có tinh thần, thái độ phù hợp khi tham gia thảo luận tôn trọng người nói, người nghe. |  |
| **12** | **Kiểm tra giữa kì I** | **Kiểm tra giữa kì I**  (02 tiết) | **23-24** | **8** | **1. Về kiến thức:** Biết vận dụng những điều đã học để thực hiện một bài viết theo đúng yêu cầu của kiểu bài.  **2. Về năng lực:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực viết để làm bài.  **3. Về phẩm chất:** Chủ động, tự giác, độc lập khi làm bài. |  |
| **13** | **Bài 3. Cấu trúc của văn bản nghị luận**  **(10 tiết)** | Đọc VB 1: ***Cầu hiền chiếu*** *(Chiếu cầu hiền - Ngô Thì Nhậm* | **25-26** | **9** | **1. Về kiến thức:**  - Biết được đặc điểm của chiếu như một thể loại văn học nghị luận đặc thù của thời trung đại. Cũng như hịch và cáo, chiếu thuộc thể loại văn bản chức năng, được viết và ban bố bởi những người đứng đầu nhà nước, nhằm mục đích điều hành xã hội.  - Hiểu, chiếu cũng được tạo nên bởi các thành tố như bất kì văn bản nghị luận nào khác. Qua việc đọc, HS nhận ra được vị thế của người viết, mục đích viết, đối tượng tác động; luận đề của văn bản; các luận điểm được triển khai từ luận đề, lí lẽ và các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, các thành tố bổ trợ làm tăng sức thuyết phục cho văn bản.  - Hiểu được tài năng xuất sắc trong việc viết văn nghị luận của Ngô Thì Nhậm thể hiện qua *Chiếu cầu hiền*- văn bản được vua Quang Trung ủy nhiệm cho ông viết.  **2. Về năng lực:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...  **3. Về phẩm chất:** Có thái độ, trách nhiệm với đất nước. |  |
| **14** | Đọc VB 2: ***Tôi có một ước mơ*** (Trích Bước đến tự do, Câu chuyện Mon - ga - mơ - ri, Mác-tin Lu-thơ Kinh) | **27-28** | **9 - 10** | 1. **Về kiến thức**   - Phân tích được nội dung và ý nghĩa của văn bản, trình bày được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng với luận đề của văn bản.  - Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua bài diễn văn, từ đó khái quát được các yếu tố tạo nên sức lay động lớn của bài viết.  - Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (Kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học,…) của giai đoạn mà văn bản ra đời để hiểu được sâu hơn văn bản; liên hệ được nội dung văn bản với bối cảnh thế giới hiện nay để rút ra bài học và thông điệp cần thiết.   1. **Về năng lực**   - Năng lực tự chủ và tự học: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ỷ lại vươn lên để có lối sống tự lực.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp  **3. Về phẩm chất**:  - Yêu nước:Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.  **-** Nhân ái: Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. |  |
| **15** | Đọc văn bản 3: ***Một thời đại trong thi ca*** | **29-30** | **10** | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết và phân tích được nội dung, ý nghĩa của văn bản.  - Nhận biết và phân tích được các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng cũng như mối quan hệ giữa chúng với luận đề của văn bản; nhận biết và giải thích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.  - Nhận biết và phân tích được mục đích, thái độ, tình cảm của người viết, vai trò của yếu tố thuyết minh, biểu cảm trong văn bản nghị luận.  - Liên hệ được nội dung văn bản với một tư tưởng, quan niệm, xu thế (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học….) của thời kỳ 1930-1945 để hiểu văn bản sâu sắc hơn.  **2. Về năng lực**  - Năng lực đọc – hiểu các bài phê bình văn học.  - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bài phê bình văn học.  - Năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.  **3. Về phẩm chất:** Thái độ sống trung thực, trách nhiệm, yêu tiếng Việt. |  |
| **16** | Thực hành Tiếng Việt: ***Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết*** | **31** | **11** | **1. Về kiến thức**  **-** Hiểu được sự cần thiết về việc đảm bảo tính nhất quán trong sử dụng ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ viết, tránh tình trạng lạc phong cách (dùng các phương tiện đặc trưng của ngôn ngữ nói vào ngôn ngữ viết và ngược lại).  - Nắm vững việc cộng hưởng giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết thể hiện trong các tác phẩm văn xuôi; phân tích được hiệu quả cách sử dụng ngôn ngữ như vậy.  **2. Về năng lực:** Năng lực tạo lập văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác..**.**  **3. Về phẩm chất:** Chủ động, sáng tạo, trách nhiệm, yêu tiếng Việt. |  |
| **17** | Viết: ***Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội*** (Con người với cuộc sống xung quanh) | **32** | **11** | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận có nội dung đề cập đến những vấn đề nảy  sinh trong cuộc sống thường nhật; có ý thức rèn luyện kĩ năng trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân bằng ngôn ngữ viết.  -Biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề, đáp ứng yêu cầu đối với kiểu bài được nêu trong SGK.  **2. Về năng lực**  - Năng lực tự chủ và tự học:Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác:Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp  - Năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội: tìm hiểu sâu vấn đề mà mình viết đến, biết ứng dụng vào bài viết.  - Năng lực thẩm mĩ: biết sử dụng ngôn ngữ phù phợp, triển khai trình bày ý khoa học.  **3. Về phẩm chất**  - Trách nhiệm: có trách nhiệm tự học, tự bồi dưỡng, luyện kỹ năng viết bài văn nghị luận về vấn đề xã hội.  - Yêu nước:có tình yêu với quê hương, đất nước qua các vấn đề xã hội.  **-** Nhân ái: biết yêu thương cảm thông với mọi người. biết nhìn nhận, đưa ra quan điểm, lập trường trước cái đúng cái sai. |  |
| **18** | Nói và nghe: ***Trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội*** | **33** | **11** | **1. Về kiến thức**  **-** Nêu được vấn để xa hội cần đánh giá, bình luận.  - Trình bày ý kiến bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng, phân tích và đánh giá cụ thể)  - Rút ra được ý nghĩa của việc đánh giá.  **2. Về năng lực**  **-** Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.  - Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm  - Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh  \* Năng lực cốt lõi:  *- Nói:* Biết giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật.  *- Nghe:* Nghe và nắm bắt được nội dung truyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.  *- Nói nghe tương tác:*  Biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau; đưa ra được những căn cứ thuyết phục để bảo vệ hay bác bỏ một ý kiến nào đó.  **3. Về phẩm chất:** Biết tôn trọng ý kiến, quan điểm của người khác trước một vấn đề xã hội. |  |
| **19** | **Trả bài kiểm tra** | **Trả bài kiểm tra giữa kỳ I** | **34** | **12** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết được ưu, nhược điểm trong bài viết của mình; rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.  **2. Về năng lực:** Rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.  **3. Về phẩm chất:** Chủ động, tự giác, tự kiểm soát. |  |
| **20** | **Bài 4: Tự sự trong truyện thơ dân gian và trong thơ trữ tình. (9 tiết)** | Đọc văn bản 1: ***Lời tiễn dặn*** *(*Trích *Tiễn dặn người yêu* – Truyện thơ dân tộc Thái) | **35-36** | **12** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết và phân tích được một số nét đặc trưng của truyện thơ dân gian trên các phương diện: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, bút pháp miêu tả.  **2. Về năng lực:**  **-** Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:Nhận biết và phân tích được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong truyện thơ (thể hiện qua văn bản đọc).  - Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.  **3. Về phẩm chất:** Đồng cảm với tình yêu sắt son giữa hai nhân vật và thái độ ca ngợi tình yêu đó của tác giả dân gian. |  |
| **21** | Đọc văn bản 2: ***Dương phụ hành***(*Bài hành về người thiếu phụ phương Tây*) – Cao Bá Quát | **37-38** | **13** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết được các yếu tố tự sự và vai trò của tự sự trong bài thơ.  **2. Về năng lực:**  **-** Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:  +Phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây  + Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.  + Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.  - Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc- viết trong bài học.  **3. Về phẩm chất:** Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả, từ đó, biết tôn trọng sự khác biệt; biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình. |  |
| **22** | Đọc văn bản 3: ***Thuyền và biển*** *-*Xuân Quỳnh. | **39** | **13** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết và phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong một bài thơ trữ tình hiện đại.  **2. Về năng lực:**  - Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:  +Phân tích được hình tượng thuyền và biển  + Cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.  + Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.  **3. Về phẩm chất:** Đồng cảm với khát vọng tình yêu của nhân vật trữ tình, có thái độ ứng xử nghiêm túc với tình yêu, vun đắp cho tình yêu trở thành một trong những tình cảm đẹp đẽ nhất mà con người có được. |  |
| **23** | Thực hành tiếng Việt: ***Lỗi về thành phần câu và cách sửa.*** | **40** | **14** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết được các biểu hiện của lỗi ngữ pháp (cụ thể ở đây là lỗi về thành phần câu) và cách sửa từng loại lỗi.  **2. Về năng lực:** Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:Tự nhận biết được lỗi về thành phần câu trong các phát ngôn hay trong văn bản của mình khi thực hiện nói và viết; biết cách khắc phục tình trạng mắc lỗi ngữ pháp trong tạo lập văn bản.  **3. Về phẩm chất:**  - Trân trọng ngôn ngữ dân tộc.  - Ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt. |  |
| **24** | Viết: ***Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội*** (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại). | **41-42** | **14** | **1. Về kiến thức:** Hoàn thiện kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội từng được rèn luyện qua nhiều bài học trước.  **2. Về năng lực:** Chọn được đề tài phù hợp với định hướng viết của Bài 4, phân biệt với định hướng viết của Bài 3.  **3. Về phẩm chất:** Thể hiện được sự chủ động trong việc bàn luận về chủ đề, biết kết nối vấn đề với những lựa chọn của bản thân. |  |
| **25** | Nói và nghe: ***Thảo luận về một vấn đề trong xã hội*** (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại). | **43** | **15** | **1. Về kiến thức:** Chủ động trong việc tham gia thảo luận về một vấn đề trong đời sống – hoạt động từng được thực hiện nhiều lần ở các lớp dưới.  **2. Về năng lực:** Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:Biết đề xuất ý kiến riêng và trao đổi với các ý kiến khác trên tinh thần xây dựng, hướng tới sự dồng thuận hiểu biết lẫn nhau và hiểu biết sâu hơn về vấn đề thảo luận.  **3. Về phẩm chất:** Thể hiện được sự nhanh nhạy và tư duy tích cực của bản thân trước các thách thức của đời sống hiện đại. |  |
| **26** | **Bài 5: Nhân vật và xung đột trong bi kịch**  **(8 tiết)** | Đọc VB 1: ***Sống, hay không sống- đó là vấn đề*** (Trích Hăm –lét, Uy-li-am Sếch-xpia) | **44-45** | **15** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch: xung đột, hành động, lời thoại, nhân vật, cốt truyện, hiệu ứng thanh lọc…qua đoạn trích *Sống, hay không sống- đó là vấn đề* của bi kịch *Hăm- lét*  **2. Về năng lực:**  - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích; làm rõ được mối quan hệ giữa các chi tiết ấy với đề tài, hành động kịch, nhân vật chính, phụ.  - Phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ bi kịch thể hiện qua cách dùng từ ngữ, biện luận, suy xét tự ý thức và ý thức về cuộc sống của nhân vật trong đoạn trích.  **3. Về phẩm chất:** Đồng cảm được với những tâm trạng trăn trở, những suy nghiệm của nhân vật *Hăm-lét* về cuộc đời, về chính mình. Từ đó biết sống có mục đích, có khát vọng cống hiến, làm chủ được bản thân và biết vượt kên mọi trở ngại. |  |
| **27** | Đọc VB 2: ***Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài***(Trích Vũ Như Tô- Nguyễn Huy Tưởng) | **46-47** | **16** | **1. Về kiến thức:**  - Nắm được những đặc điểm của thể loại bi kịch. Hiểu và phân tích được xung đột kịch, tính cách, diễn biến tâm trạng, bi kịch của *Vũ Như Tô* và *Đan Thiềm* trong hồi V của vở kịch.  - Nhận thức được quan điểm nhân dân của *Nguyễn Huy Tưởng*, đồng thời thấy được thái độ ngưỡng mộ, trân trọng tài năng của tác giả đối với những nghệ sĩ có tâm huyết và tài năng lớn nhưng lại lâm vào tình trạng mâu thuẫn không thể giải quyết được giữa khát vọng nghệ thuật lớn lao và thực tế xã hội không tạo điều kiện để họ thực hiện khát vọng ấy.  - Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của vở kịch qua đoạn trích.  **2. Về năng lực:**  - Biết thưởng thức vẻ đẹp ngôn ngữ, vẻ đẹp hình tượng cũng như cảm thụ cái hay, cái đẹp của tác phẩm.  - Biết liên hệ văn bản với đời sống, từ đó lựa chọn cách hành xử phù hợp.  **3. Về phẩm chất:** Biết cảm thông, trân trọng đối với người nghệ sĩ tài năng nhưng phải chịu số phận đau thương. |  |
| **28** | Viết: ***Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội*** (Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) | **48-49** | **16-17** | 1. **Về kiến thức:**   - Biết chọn đề tài, hướng tiếp cận đề tài.  - Hiểu được giá trị, tác dụng của các nguồn thông tin, các loại thông tin khác nhau để tìm kiếm, khai thác một cách hiệu quả.  **2.** **Về năng lực:**  - Đánh giá được tính khả tín của các thông tin.  - Xây dựng được đề cương nghiên cứu từ những thông tin mình đã thu thập.  - Viết và chỉnh sửa các báo cáo nghiên cứu theo đúng quy cách  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |  |
| **29** | Nói và nghe: ***Trình bày kết quả nghiên cứu.*** | **50** | **17** | **1. Về kiến thức**  - Biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu.  - Biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.  **2. Về năng lực:**  - Vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe**.**  - Giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài.  - Trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính.  - Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |  |
| **30** | **Ôn tập** |  | **51** | **17** | **1. Về kiến thức:** Vận dụng được kiến thức đã học vào việc giải quyết yêu cầu được giao.  **2. Về năng lực:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực tư duy, năng lực viết để làm bài.  **3. Về phẩm chất:** Chủ động, tự giác, độc lập, tự kiểm soát. |  |
| **31** | **Kiểm tra cuối kì** |  | **52-53** | **18** | **1. Kiến thức**: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học và rèn luyện vào việc giải quyết yêu cầu của bài kiểm tra.  **2. Năng lực**:  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ; năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất**: tự giác, trách nhiệm. |  |
| **32** | **Trả bài kiểm tra cuối kì** |  | **54** | **18** | **1. Kiến thức**:  – HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.  – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ; năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất**: tự giác, trách nhiệm. |  |

**1.2. Học kì 2: 17 tuần x 3 tiết = 51 tiết ( Từ 15/1/2024 đến 25/5/2024)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học/số tiết** | | **Tiết PPCT** | **Tuần** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **1** | **Bài 6:**  **Nguyễn Du – Những điều trông thấy mà đau đớn lòng (Số tiết: 12)** | Đọc văn bản 1: ***Tác gia Nguyễn Du*** | **55-56** | **19** | **1. Về kiến thức:**  - Nắm được những tri thức ngữ văn về truyện thơ Nôm và các biện pháp tu từ đối, lặp  - Nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử Nguyễn Du  **2. Về năng lực**  Nhận biết những đặc điểm cơ bản về nội dung, nghệ thuật trong sáng tác chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Du từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản  **3. Về phẩm chất:** Trân trọng những đóng góp của Nguyễn Du với nền văn hoá, văn học dân tộc. |  |
| **2** | Đọc văn bản 2: ***Trao duyên****- trích Truyện Kiều* | **57-59** | **19-20** | **1. Về phẩm chất:** Hiểu được diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều khi trao duyên  **2. Về năng lực:** Phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ văn học  **3. Về phẩm chất:** Đồng cảm với tình yêu tha thiết và nỗi đau khổ sâu sắc của Thuý Kiều từ đó trân trọng tình cảm Nguyễn Du dành cho con người đặc biệt người phụ nữ. |  |
| **3** | Đọc văn bản 3: ***Độc Tiểu Thanh ký*** | **60-61** | **20-21** | **1. Kiến thức:**  - HS nhận biết được đặc điểm hình thức của thể loại thơ Nôm Đường luật và nội dung của chùm thơ *Bảo kính cảnh giới*.  - HS nhận biết và phân tích được giá trị nội dung, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Bảo kính cảnh giới* (bài 43). Từ đó, biết cách đọc hiểu một bài thơ Nôm Đường luật.  - HS hiểu được tầm vóc tư tưởng, vẻ đẹp tâm hồn của tác giả thể hiện trong bài thơ.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất:** Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng. |  |
| **4** |  | Thực hành tiếng Việt: ***Biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối*** | **62** | **21** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết được các hình thức của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối  **2. Về năng lực:** Phân tích được tác dụng của các biện pháp trên trong ngữ cảnh, từ đó rèn luyện năng lực ngôn ngữ, hỗ trợ các hoạt động đọc và viết  **3. Về phẩm chất:** Có ý thức sử dụng các biện pháp tu từ trong hoạt động đọc và viết. |  |
| **5** | Viết: ***Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học*** | **63-65** | **21-22** | **1. Về kiến thức:** Nhận biết được những yếu tố của kiểu bài văn thuyết minh về một tác phẩm văn học.  **2. Về năng lực:** Viết được về một tác phẩm văn học.  **3. Về phẩm chất**: Thể hiện được sự chủ động trong việc viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học. |  |
| **6** |  | Thực hành tiếng Việt: *Sử dụng từ Hán Việt* | **66** | **22** | **1. Kiến thức:**  – HS nhận biết được cách thức sử dụng từ Hán Việt và giá trị biểu đạt của từ Hán Việt trong một số ngữ cảnh.  – HS biết vận dụng kiến thức về từ Hán Việt để tìm hiểu sâu hơn nghệ thuật sử dụng từ ngữ của tác giả trong các văn bản đọc.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất:** Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống. |  |
| **7** | Nói và nghe: ***Giới thiệu về một tác phẩm văn học*** | **67** | **23** | **1. Kiến thức:**  – HS hiểu được sự cần thiết của việc trao đổi, thảo luận khi nảy sinh ý kiến khác nhau về một vấn đề nào đó.  – HS biết cách thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau; rèn luyện được tư duy phản biện, hình thành văn hoá tranh luận và năng lực giải quyết vấn đề.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất:** Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống. |  |
| **8** | **Bài 7:**  **Ghi chép và tưởng tượng trong kí (Số tiết: 11)** | Đọc VB 1: ***Ai đã đặt tên cho dòng sông?*** | **68-70** | **23-24** | **1. Về kiến thức:**  - Nhận biết và hiểu được các đặc điểm cơ bản của tùy bút –một tiểu loại của kí- qua một tác phẩm cụ thể, gồm:  + Tính chất ghi chép mang tính xác thực.  + Đề tài của văn bản lấy từ sự thật đời sống.  + Vai trò của chủ thể sáng tạo trong một văn bản tùy bút.  - Hiểu và phân tích được giá trị của các yếu tố tự sự, thuyết minh, đặc biệt là vai trò của yếu tố trữ tình trong một bài tùy bút.  - Nhận ra được mức độ, tính chất và các yếu tố hư cấu được sử dụng trong một tác phẩm kí.  **2. Về năng lực:**  - Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:  + Nắm bắt nội dung của từng đoạn trong văn bản, lựa chọn được những đoạn văn tiêu biểu nhất  + Lựa chọn được những chi tiết đặc sắc thể hiện cái nhìn của tác giả bài tùy bút đối với đối tượng được miêu tả trong văn bản.  + Phân tích được hiệu quả của một yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong văn bản (các phép tu từ, những hình ảnh tiêu biểu, cách tổ chức câu văn, nhan đề tác phẩm…)  - Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc - viết trong bài học.  **3. Về phẩm chất:** Trân trọng, yêu mến và tự hào về những vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên đất nước. |  |
| **10** | Đọc VB 2: ***Và tôi vẫn muốn mẹ*…** (Trích Những nhân chứng cuối cùng – Solo cho giọng trẻ em – Xvét-la-na A-lếch-xi-ê-vích – Svetlana Alexievich) | **71-72** | **24** | **1. Về kiến thức:**  - Nắm được những đặc điểm cơ bản của truyện kí, cụ thể:  + Chú trọng ghi chép sự thực đời sống  + Thể hiện bằng văn bản giàu yếu tố tự sự (có tình huống, sự kiện, cốt truyện, nhân vật...)  - Hiểu được tính chất phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí.  **2. Về năng lực:**  - Phát huy năng lực tự chủ, hợp tác và giao tiếp để giải quyết những vấn đề của nhiệm vụ học tập  - Cụ thể:  + Nắm được nội dung câu chuyện trong văn bản với những điểm nhấn quan trọng.  + Phân tích và lí giải được những hình ảnh, chi tiết nghệ thuật quan trọng theo cảm nhận cá nhân  + Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc –viết trong bài học.  **3. Về phẩm chất:**  - Đồng cảm với những nỗi đau, sự mất mát của con người do chiến tranh gây ra.  - Trân trọng giá trị của tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm mẹ con. |  |
| **11** | Đọc VB 3: ***Cà Mau quê xứ*** | **73-74** | **25** | **1. Về kiến thức:**  - Nhận biết và hiểu được đặc điểm của tác phẩm tản văn, cụ thể:  + Cái nhìn đậm màu sắc chủ quan của người viết trước thực tại đời sống.  + Sự phóng túng trong liên tưởng tưởng tượng để miêu tả đối tượng.  + Sự tự do trong sử dụng ngôn ngữ và tổ chức văn bản.  - Hiểu được ý nghĩa của sự phối hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm, thuyết minh trong bài tản văn; tính chất phi hư cấu và hư cấu thể hiện cách khai thác chất liệu đời sống và sự tưởng tượng của người viết.  **2. Về năng lực:**  - Phát huy năng lực tự học, giao tiếp và sáng tạo để giải quyết các vấn đề của nhiệm vụ học tập  - Cụ thể:  + Phân tích được sự phối hợp các yếu tố tự sự, biểu cảm, thuyết minh trong bài tản văn.  + Phân tích được hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo trong bài tản văn.  + Tham gia thảo luận, trình bày ý kiến cá nhân trong thảo luận nhóm.  **3. Về phẩm chất:** Biết yêu mến, trân trọng đối với một vùng đất, một địa danh cụ thể của quê hương tổ quốc. |  |
| **12** | Thực hành tiếng Việt: ***Một số hiện tượng phá vỡ những nguyên tắc ngôn ngữ thông thường: Đặc điểm và tác dụng*** (tiếp theo) | **75** | **25** | **1. Về kiến thức:**  - Nắm vững biểu hiện của hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.  - Phân biệt được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường vì mục đích sáng tạo, với việc vi phạm quy tắc do thiếu hiểu biết hoặc bất cẩn trong sử dụng ngôn ngữ.  - Hiểu được việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường không chỉ diễn ra ở văn bản thơ mà cả ở văn xuôi.  - Hiểu được: trong ngôn ngữ văn xuôi, việc phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường một cách có chủ ý luôn hướng tới mục đích nghệ thuật nhất định.  **2. Về năng lực:**  - Phát huy các năng lực tự học, năng lực hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo để đáp ứng những yêu cầu của bài học.  - Cụ thể:  + Vận dụng kiến thức về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường vào việc phân tích văn bản nghệ thuật.  + Chủ động tham gia thảo luận, trình bày ý kiến trong quá trình học tập.  **3. Về phẩm chất:** Có ý thức chăm chỉ và nỗ lực trong học tập. |  |
| **13** |  | Viết: ***Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.*** | **76-77** | **26** | **1. Về kiến thức:**  - Nắm vững yêu cầu của một văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.  - Cụ thể:  + Nêu rõ sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội được thuyết minh và cung cấp một số thông tin cơ bản giúp người đọc hình dung bước đầu về sự vật, hiện tượng đó.  + Làm rõ bản chất và các biểu hiện cụ thể của sự vật, hiện tượng theo một trình tự phù hợp với đặc điểm của sự vật, hiện tượng đó.  + Rút ra ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh.  **2. Về năng lực:**  - Viết được bài văn thuyết minh về một sự vật hiện tượng trong đời sống xã hội, đáp ứng những yêu cầu về nội dung và hình thức của kiểu văn bản thuyết minh.  - Biết sử dụng kết hợp trong văn bản thuyết minh một hoặc nhiều yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.  **3. Về phẩm chất:**  - Trung thực trong việc cung cấp thông tin.  - Có ý thức, thái độ bảo vệ những điều tốt đẹp, đấu tranh với những điều tiêu cực, hướng đến những giá trị tích cực của cuộc sống. |  |
| **14** | Nói và nghe: ***Thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống.*** | **78** | **26** | **1. Về kiến thức:**  - Xác định được vấn đề trong đời sống đáng quan tâm, cần thảo luận, tranh luận  - Huy động được hệ thống ý để xây dựng nội dung tham gia thảo luận, tranh luận  - Nắm rõ tuần tự các bước của cuộc thảo luận, tranh luận.  **2. Về năng lực:**  - Chủ động và tích cực hoạt động nhóm để chuẩn bị tốt cho cuộc thảo luận, tranh luận.  - Đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân khi tham gia thảo luận về vấn đề  - Biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.  **3. Về phẩm chất:** Có tinh thần, thái độ tích cực khi tham gia thảo luận như:  - Tôn trọng người đối thoại  - Có tinh thần cầu thị, lắng nghe  - Biết chấp nhận những ý kiến, quan điểm hợp lí, xác đáng của người khác. |  |
| **15** | **Kiểm tra giữa kì** |  | **79-80** | **27** | **1. Kiến thức:**  HS biết vận dụng những điều đã học để thực hiện một bài viết theo đúng yêu cầu của kiểu bài.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất:** Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống. |  |
| **16** | **Bài 8:**  **Cấu trúc của văn bản thông tin**  **(11 tiết)** | Đọc VB 1: ***Nữ phóng viên đầu tiên***(Trần Nhật Vy) | **81-82** | **27-28** | **1. Về kiến thức:**  **-** Xác định được đề tài, chủ đề văn bản và quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản.  - Nắm được các ý chính, ý phụ, cách trình bày dữ liệu trong văn bản.  **2. Về năng lực:** Liên hệ được văn bản với bối cảnh xã hội ngoài văn bản, với đời sống đương đại, với những văn bản khác.  **3. Về phẩm chất:** Có thái độ ủng hộ sự bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt. |  |
| **17** | Đọc VB 2: ***Trí thông minh nhân tạo***(Trích 50 ý tưởng về tương lai – Ri-sát Óat-xơn – Richart Watson) | **83-84** | **28** | **1. Về kiến thức:**  - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật của văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, ìnforgraphic  - Xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản  - Nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản  - Tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác  **2. Về năng lực:**  - Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ cho học sinh:  - Nhận biết được một số dạng văn bản thông tin.  - Nêu được ý nghĩa của văn bản thông tin đối với bản thân.  - Phân tích, đánh giá được cách đặt nhan đề và mục đích của người viết, cách đưa tin và quan điểm của người viết bản tin, sự kết hợp giữa các phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong việc thể hiện thông tin.  - Nhận biết và sử dụng được cách trích dẫn, chú thích trong văn bản; phân tích được vai trò của một số phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ, ... trong văn bản.  - Biết thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) về nội dung và nghệ thuật của một văn bản thông tin.  **3. Về phẩm chất:**  - Trung thực: Trung thực trong thực hiện và báo cáo các sản phẩm của nhóm  - Trách nhiệm: Trong thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm; Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng; Có thái độ trân trọng đối với những đóng góp lớn của các nhà khoa học, những nỗ lực không ngừng của con người trong việc phát triển trí tuệ nhân tạo.  - Chăm chỉ: Có tinh thần tích cực trong việc tạo lập văn bản, chia sẻ những cảm nhận của mình về các văn bản thông tin. |  |
| **18** | Đọc VB 3: ***Pa-ra-lim-pích: Một lịch sử chữa lành những vết thương***- Huy Đăng | **85-86** | **29** | **1. Về kiến thức:**  - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật trong văn bản như sa-pô, đề mục, hình ảnh.  - Nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết.  - Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết.   1. **Về năng lực:**   - Phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề…  - Viết được một văn bản thông tin, thuyết trình (giới thiệu, đánh giá) một văn bản thông tin.  **3. Về phẩm chất:** Có thái độ sống nhân ái, tôn trọng sự khác biệt. |  |
| **19** | Thực hành tiếng Việt: ***Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ*** | **87** | **29** | **1. Kiến thức:**  – HS phân tích và đánh giá được cách đặt nhan đề của tác giả, suy đoán được nội dung của văn bản từ nhan đề.  – HS nhận biết được các đặc điểm của loại văn bản thông tin, cụ thể là bản tin qua văn bản được đọc.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất:** Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống. |  |
| **20** | Viết: ***Viết văn bản thuyết minh về một vấn đề của xã hội đương đại*** | **88-89** | **30** | **1. Về kiến thức:**  - Nhận biết được đặc điểm , yêu cầu của bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng hiệu quả biểu đạt cho bài viết.  - Biết viết bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đang được quan tâm trong xã hội ngày nay.  **2. Về năng lực:** Năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực thẩm mỹ  **3. Về phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. |  |
| **21** | Nói và nghe: ***Tranh biện về một vấn đề trong đời sống*** | **90** | **30** | **1. Về kiến thức**  - Biết lựa chọn một vấn đề trong đời sống phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện.  - Biết đưa ra các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để khẳng định quan điểm của mình và phản bác lại quan điểm của phía đối lập trong khi tranh biện.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, đánh giá, phản biện, tranh luận,…xoay quanh vấn đề xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe học sinh khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.  **2. Về năng lực:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe.  **3. Về phẩm chất:** Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu được rút ra từ tiết học. |  |
| **22** | **Trả bài Ktra** | Trả bài kiểm tra giữa kỳ II | **91** | **31** | **1. Kiến thức**:  – HS biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn.  – HS rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ; năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất**: tự giác, trách nhiệm. |  |
| **23** | **Bài 9:**  **Lựa chọn và hành động (9 tiết)** | Đọc VB 1: ***Bài ca ngất ngưởng*** *–* Nguyễn Công Trứ | **92-93** | **31** | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thể loại hát nói: từ ngữ, hình ảnh…  - Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: hiểu được phong cách sống của Nguyễn Công Trứ với tư cách của một nhà nho và có thể coi đó là sự thể hiện cá tính của một bản lĩnh cá nhân mang ý nghĩa tích cực; hiểu đúng nghĩa của khái niệm ngất ngưởng để không nhầm với lối sống lập dị của một số người hiện đại.  - Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp cảm hứng chủ đạo của người viết; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ tác phẩm mà tác giả muốn gửi đến người đọc.  **2. Về năng lực**  *- Về năng lực chung:* Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….  *- Về năng lực đặc thù:* Viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề tư tưởng giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản thơ trung đại thể loại hát nói (có thể kết hợp với âm nhạc trong diễn xướng).  **3. Về phẩm chất:** Có ý thức tìm hiểu, trân trọng vẻ đẹp cá tính, lí tưởng của con người. |  |
| **24** | Đọc VB 2: ***Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*** – Nguyễn Đình Chiểu | **94-95** | **32** | 1. **Về kiến thức**   **-** Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể loại văn tế: đặc điểm thể loại, bố cục, giá trị của tác phẩm…  - Nắm được những nét chính về cuộc đời, nghị lực, nhân cách và giá trị thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.  - Nêu được ấn tượng chung về tác phẩm: Bức tượng đài bi tráng về người nông dân Nam Bộ yêu nước buổi đầu chống thực dân Pháp.  - Phân tích được các tín hiệu nghệ thuật đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp cảm hứng chủ đạo của người viết, thái độ cảm phục, xót thương của tác giả và tính trữ tình, thủ pháp tương phản và việc sử dụng ngôn ngữ trong tác phẩm.  **2. Về năng lực**  *- Về năng lực chung:* Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….  *- Về năng lực đặc thù:*  + Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.  + Năng lực đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.  + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận  + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về cuộc đời, nghị lực, nhân cách và giá trị thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.  + Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.  + Năng lực tự học, tạo lập văn bản nghị luận.  **3. Về phẩm chất**  - Có thái độ trân trọng và say mê tìm hiểu về thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.  - Có ý thức tìm hiểu, trân trọng ngợi ca những chiến công hiển hách của thế hệ đi trước; bồi đắp tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc. |  |
| **25** | Đọc VB 3 : ***Cộng đồng và cá thể*** (Trích *Thế giới như tôi thấy* – An –be-Anh-xtanh – Albert Einstein) | **96** | **32** | **1. Về kiến thức**  **-** Nắm được những nét cơ bản về cuộc đời sự nghiệp , cống hiến của tác giả Albert Einstein  - Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản.  - Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai, sử dụng.  - Thể hiện thái độ chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản.  **2. Về năng lực**  *- Về năng lực chung:* Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ,...  *- Về năng lực đặc thù:* Viết được một văn bản nghị luận về một vấn đề đặt ra trong văn bản.  **3. Về phẩm chất:** Sống có lí tưởng, xử lí hài hòa mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng. |  |
| **26** | Thực hành tiếng Việt: ***Cách giải thích nghĩa của từ*** | **97** | **33** | **1. Về kiến thức**  - Hiểu được sự cần thiết của việc giải thích nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.  - Hiểu rõ các thao tác giải thích của từ được thực hiện trong một số văn bản đã đọc và biết cách vận dụng chúng trong hoạt động thực hành hoặc giao tiếp nói chung.  - Biết chọn cách giải thích nghĩa của từ phù hợp với từng tình huống giao tiếp cục thể.  **2. Về năng lực**  *- Về năng lực chung:* Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….  *- Về năng lực đặc thù:*  + Năng lực giải quyết những tình huống cụ thể đặt ra trong văn bản.  + Sử dụng có hiệu quả từ ngữ trong quá trình giao tiếp  **3. Về phẩm chất:** Có thái độ trân trọng và giữ gìn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. |  |
| **27** | Viết: ***Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật*** | **98-99** | **33** | **1. Về kiến thức**  - Nhận biết được các yêu cầu cơ bản (về nội dung và hình thức) của kiểu bài: *Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật*.  - Biết thực hiện đúng các bước khi tiến hành Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật: tìm ý, lập dàn ý cho bài viết.  - Biết thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến vấn đề nghị luận, biết phân tích và đánh giá được một tác phẩm nghệ thuật theo đúng đặc trưng kiểu bài viết.  - Biết thể hiện thái độ và quan điểm khi đánh giá một tác phẩm nghệ thuật thông qua hệ thống các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng phù hợp.  **2. Về năng lực**  *a. Năng lực chung*  - Năng lực tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiệnnhiệm vụ hợptác.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.  *b. Năng lực đặc thù :*  + Quy trình viết: Viết được văn bản nghị luận đúng quy trình, bảo đảm các bước đã được hình thành và rèn luyện trên lớp; có hiểu biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và tránh đạo văn.  + Thực hành viết: Viết được một văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật với đầy đủ các bước:  + Nêu được vấn đề nghị luận đặt ra trong bài viết (tác phẩm nghệ thuật….)  + Trình bày được các vấn đề nghị luận thông qua hệ thống các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng phù hợp.  + Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy; sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.  **3. Về phẩm chất**  - Bài học góp phần phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm: HS tích cực, chủ động trong học tập; ham học hỏi và nghiên cứu chuyên sâu vấn đề thuộc các lĩnh vực nghệ thuật khác.  - Bài học góp phần hình thành tính cách tự tin khi trình bày kiến thức, khả năng hiểu biết về một tác phẩm nghệ thuật.  - Hình thành nhân cách, bồi dưỡng tình cảm: Sống có trách nhiệm, trân trọng những tác phẩm nghệ thuật có giá trị. Từ đó, có ý thức bảo tồn, lưu giữ, lan tỏa những sáng tạo nghệ thuật đó. |  |
| **28** | Nói và nghe: ***Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật*** | **100** | **34** | **1. Kiến thức:**  – HS biết lựa chọn một vấn đề xã hội phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức thuyết trình. HS biết sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lí, có hiệu quả trong khi thuyết trình.  – HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.  **2. Năng lực:**  \* Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.  \* Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.*  **3. Phẩm chất:** Yêu thương và có trách nhiệm đối với con người và cuộc sống. |  |
| **31** | **Ôn tập** | **Ôn tập học kì II** | **101-102** | **34** | **1. Về kiến thức:** Hệ thống hóa kiến thức đã học trong SGK *Ngữ văn 11*, tập hai.  **2. Về năng lực:** Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.  **3. Về phẩm chất:** Bồi dưỡng cho học sinh lòng trung thực, chăm chỉ trong học tập và rèn luyện. |  |
| **32** | **Kiểm tra** | **Kiểm tra cuối kỳ II** | **103-104** | **35** | **1. Về kiến thức:** Vận dụng được kiến thức đã học vào việc giải quyết yêu cầu của bài kiểm tra.  **2. Về năng lực:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực tư duy, năng lực viết để làm bài.  **3. Phẩm chất:** Chủ động, tự giác, độc lập, tự kiểm soát. |  |
| **33** | **Trả bài kiểm tra** | **Trả bài kiểm tra cuối kì II** | **105** | **35** | **1. Về kiến thức:** Biết tự nhận xét về bài viết của mình cũng như biết nhận xét, đánh giá về bài viết của bạn về ưu điểm và nhược điểm của bài viết.  **2. Về năng lực:** Rút ra được những kinh nghiệm thiết thực về việc viết đúng kiểu bài.  **3. Về phẩm chất**: Chủ động, tự giác, tự kiểm soát. |  |

***Lưu ý:***

*1. Để GV có thời gian chấm bài, tiết hướng dẫn viết và cho HS làm bài có thể được đảo lên trước tiết Thực hành tiếng Việt, thậm chí, trước cả tiết đọc VB sau cùng của bài học, đảm bảo tiết trả bài không nằm trong cùng một tuần với tiết dành cho HS viết bài, nộp bài.*

*2. Để giảm bớt số lượng bài viết GV phải chấm, có thể chọn 03 bài viết để HS tự đánh giá (02 bài ở học kì một, 01 bài ở học kì 2). Theo đó, 03 tiết trả bài trong Kế hoạch dạy học ở trên có thể được dành cho HS trao đổi về những VB đọc mở rộng*

**2. Chuyên đề lựa chọn (3 chuyên đề - 35 tiết- Dành cho lớp XH )**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Chuyên đề** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| **1** | **Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn để văn học trung** **đại Việt Nam (10 tiết)** | 10 | **1. Về kiến thức:** Giúp HS  - Nắm được một số tri thức về lịch sử văn học, về tác giả, phong cách nghệ thuật của tác giả, về đặc điểm các thể loại của văn học trung đại để thực hiện đề tài, vấn đề nghiên cứu của mình.  - Hiểu được các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học trung đại Việt Nam.  **2. Về năng lực:**  **a. Năng lực chung**  **-** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.  **b. Năng lực riêng biệt**  - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các văn bản văn học trung đại Việt Nam  - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân  - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản văn học trung đại.  - Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản văn học trung đại cùng thời kỳ.  **3. Về phẩm chất:**  **-** Trân trọng những tác phẩm văn học trung đại Việt Nam  - Có ý thức giữ gìn các giá trị văn hóa cha ông để lại.  - Sống có trách nhiệm với cộng đồng, với công việc hằng ngày của mình. |  |
| **2** | **Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại (15 tiết)** | 15 | **1. Về kiến thức:**  - Bản chất xã hội của ngôn ngữ.  - Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.  **2. Về năng lực:**  **a. Năng lực chung:** tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo…  **b. Năng lực đặc thù:**  - Hiểu được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội và là một bộ phận cấu thành của văn hóa.  - Nhận biết và đánh giá được các yếu tố mới của ngôn ngữ trong đời sống xã hội đương đại.  - Biết vận dụng các yếu tố mới của ngôn ngữ đương đại trong giao tiếp.  **3. Về phẩm chất**: Chăm chỉ, yêu nước (Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt). |  |
| **3** | **Đọc, viết và giới thiệu một tác gia văn học** **(10 tiết)** | 10 | **1. Về kiến thức:**  - Nhận biết một số đặc điểm nổi bật về sự nghiệp văn chương và phong cách nghệ thuật của các tác giả văn học lớn.  - Biết cách lựa chọn và đọc một tác giả văn học lớn.  - Biết cách viết bài giới thiệu một tác giả văn học lớn.  - Vận dụng những kĩ năng đã học ở chuyên đề để đọc học, viết về những tác giả văn học khác.  - Biết thuyết trình về một tác gải văn học.  **2. Về năng lực:**  - Tự chủ và tự học: Học sinh vận dụng được kinh nghiệm đọc, vận dụng những trải nghiệm về cuộc sống và những hiểu biết riêng để tự nhận xét, đánh giá về tác giả văn học.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác: Học sinh được làm việc nhóm, phát huy năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề theo nhiều cách khác nhau một cách sáng tạo và triệt để để làm ra sản phẩm chung.  - Năng lực ngôn ngữ: giúp các em trong quá trình tìm hiểu tri thức, hợp tác sẽ hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ đáp ững yêu cầu hoạt động.Vận dụng những hiểu biết về hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường để tìm hiểu ngôn ngữ trong văn bản nghệ thuật.  **3. Về phẩm chất:**  **-** Biết tự hào, tôn trọng về những tác giả văn học có đóng góp lớn cho nền Văn học nước nhà.  - Tự hào, tôn trọng và bảo vệ những sản phẩm tinh thần là những tác phẩm văn chương mà tác giả để lại. Từ đó hình thành tình yêu với Văn học.  - Nuôi dưỡng hứng thú đọc và rèn luyện kỹ năng đọc, tự học của học sinh.  - Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ: chăm tìm tòi, chăm đọc, chăm ngiên cứu, luôn chủ động với công việc của bản thân và của tập thể.  - Hình thành phẩm chất trung thực, trách nhiệm với những kiến thức về tác giả văn học mà học sinh lĩnh hội được trong quá trình tìm hiểu các tác giả văn học. |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

***Lưu ý:***

*1. Tuần học các chuyên đề do các trường tự bố trí, căn cứ vào tình hình thực tế.*

*2. Học kì một có thể chỉ học 01 chuyên đề. .*

*3. Thời gian học và thực hành của từng chuyên đề nên kéo dài ít nhất 03 tuần, dù số tiết dành cho mỗi chuyên đề không lớn (từ 10 đến 15 tiết), nhằm tạo điều kiện cho HS có thời gian hoàn thành các sản phẩm do chuyên đề yêu cầu.*

*4. Sản phẩm HS phải hoàn thành với từng chuyên đề, một phần được hiện ở nhà, một phần được thực hiện ở lớp. Thời gian hoạt động trên lớp (được bố trí trong Kế hoạch năm học) nên dành cho HS trực tiếp trao đổi với nhau về các phần việc phải làm (với sự theo dõi, góp ý của GV).*

*5. Dù việc dạy học chuyên đề có nội dung đặc thù, vẫn cần được tổ chức theo mạch hoạt động ĐỌC - VIẾT - NÓI VÀ NGHE. ĐỌC để tìm hiều nội dung lí thuyết được trình bày trong SGK. VIẾT chính là xử lí tư liệu nghiên cứu thu thập được; viết báo cáo; viết kịch bản chuyển thể tác phẩm văn học và viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn, tiểu thuyết. NÓI VÀ NGHE ứng với nội dung trình bày, báo cáo sản phẩm đã làm được theo đòi hỏi của chuyên đề.*

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** *(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)*

* Bồi dưỡng học sinh giỏi lớp 11

+ Số tiết:60

+ Thời gian:Từ tháng 9

+ Các chuyên đề

* Tham gia tổ chức Hội thi Văn học – Học văn cấp trường (nhiệm vụ)
* Tham gia tổ chức sân khấu hóa tác phẩm Văn học (nhiệm vụ)
* Tham gia hội thi “Tác phẩm Văn học qua hình vẽ”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Trần Văn Trị** |  | *Đại Lộc,ngày 01 tháng 09 năm 2023*  **GIÁO VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Trần Văn Trị** |